

IV. KẾT LUẬN

1. Kết quả khảo nghiệm cho thấy giống cắm chướng D06.9 có sức sinh trưởng mạnh (chiều cao cành hoa >80cm), khả năng kháng một số sâu, bệnh chính (bọ trĩ, gỉ sắt và héo rũ) tốt hơn một số giống nhập nội tại địa phương, kiểu dáng và màu sắc hoa (màu hồng đậm) phù hợp với thị hiếu thị trường hiện nay.

2. Giống D06.9 có tiềm năng năng suất (25,0 - 30,0 cành/m²/tháng) cao hơn các giống đối chứng nhập nội (17,0 - 25,0 cành/m²/tháng) từ 17,0 - 25,0%, số hoa trên cành (>10 hoa), cao hơn các giống đối chứng từ 5-6 hoa/cành.

3. Sức sinh trưởng mạnh hơn, khả năng kháng sâu bệnh chính tốt, năng suất cành cao của giống D06.9 chứng tỏ khả năng thích ứng tốt của giống với điều kiện Đà Lạt và các vùng tương tự, đồng thời hứa hẹn hiệu quả kinh tế tốt trong sản xuất.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ NN & PTNT, 2003. *Một số văn bản pháp quy về bảo hộ giống cây trồng mới*. NXB NN, Hà Nội, 2003.
2. Chính phủ, 2001. *Nghị định của chính phủ về Bảo hộ giống cây trồng mới*. Nghị định số 13/2001/NĐ-CP, ngày 20 tháng 4 năm 2001.
3. Cục Trồng trọt, 2011. *Quyết định số 206/QĐ-TT-BPPN ngày 11 tháng 5 năm 2011 về việc Công nhận chính thức giống cây trồng nông nghiệp mới*.
4. Thủ tướng Chính phủ, 1999. *Quyết định số 182/1999/QĐ-TTg về “Chương trình phát triển rau quả và hoa-cây cảnh thời kỳ 1999-2010”*.
5. UPOV, 1991. *Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới*. Văn kiện năm 1991. Giơ-ne-vơ, 1991.

Người phản biện:

TS. Phạm Xuân Liêm

KẾT QUẢ CHỌN TẠO VÀ KHẢO NGHIỆM GIỐNG HOA CÚC CẮT CÀNH C07.7 VÀ C07.16

Phạm Xuân Tùng, Trưởng Thị Lý,
Hồ Cao Lộng Ngọc, Đình Thị Hồng Nhung

SUMMARY

Results from breeding and evaluation of new chrysanthemum varieties C07.7 and C07.16

Cut flower chrysanthemum variety C07.7 was selected from the cross Chevrolet x C05.5, C07.16 from the cross C05.1 x Sunny Yellow in 2007 under Dalat conditions. Standard evaluation experiments during Winter-Spring season 2008-2009 and Summer-Autumn 2009 showed that C07.7 and C07.16 are promising varieties for their beautiful flowers, good adaptation to the local growing conditions and high level of resistance to leaf miner flies and white rust as compared to several popular imported varieties. C07.7 is a exhibit-spray chrysanthemum with brown-red yellow fringed semi double flowers of the medium sizes with a deep-set yellow center. C07.16 is a exhibit-spray chrysanthemum with bright yellow decorative flowers of the medium size with a deep-set yellow-green center. Under the photoperiod conditions of 16 hours, extended for 30 days after planting, C07.7 plants developed very strong stems which reached the height of 80-85cm and C07.16 90-100cm. C07.7 and C07.16 gained high growers' and market acceptance by test production plots at farmers' gardens in Dalat during the Autumn-Winter 2009 and Winter-Spring 2009-2010.

Keywords: Breeding, chrysanthemum, C07.7, C07.16

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cúc (*Chrysanthemum morifolium* Ramat.) là loại hoa cắt cành có giá trị và rất được ưa chuộng ở nước ta. Cho tới gần đây, giống hoa cắt cành sản xuất nói chung và giống hoa cúc nói riêng sản xuất trong nước hầu hết là giống nhập nội. Một số giống hết thời hạn bảo hộ quyền tác giả thì đã lỗi thời, số khác khó có thể mở rộng sản xuất và tham gia thị trường xuất khẩu nếu không xác định được bản quyền tác giả và đóng lệ phí đầy đủ khi Việt Nam tham gia Công ước Quốc tế về Bảo hộ Giống cây trồng mới (UPOV, 1991). Chọn tạo giống hoa trong nước tạo ra lợi thế về bản quyền tác giả trong sản xuất kinh doanh và xuất khẩu.

Trong khi chưa có đơn vị, cá nhân nào trong nước tiếp cận nghiên cứu chọn tạo giống hoa mang bản quyền Việt Nam, Trung tâm Nghiên cứu Khoai tây, Rau & Hoa (TT NCKT, R&H), Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp miền Nam, đã sớm định hướng và xây dựng chương trình chọn tạo giống hoa cắt cành trong nước và bước đầu

đã có một số giống được công nhận đưa vào sản xuất. Giống hoa cúc C07.7 và C07.16 của Trung tâm đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đặc cách công nhận chính thức tại Quyết định số 206/QĐ-TT-BPPN ngày 11 tháng 5 năm 2011. Bài viết trình bày một số kết quả nghiên cứu chọn tạo các giống hoa này.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Vật liệu lai tạo

Giống C07.7 được chọn từ tổ hợp lai Chevrolet × C05.5. Giống C07.16 được chọn từ tổ hợp lai C05.1 × Sunny Yellow. Giống C05.1 và C05.5 là các dòng chọn từ các tổ hợp lai của TT NCKT, R&H năm 2005. Giống Chevrolet và Sunny Yellow là giống nhập nội với các đặc tính nông học và kháng sâu bệnh khá tốt, đang được sản xuất rộng rãi do có kiểu dáng và màu sắc đẹp, được người sản xuất và thị trường ưa chuộng. Bảng 1 trình bày một số đặc điểm hình thái của các giống bố mẹ của C07.7 và C07.16.

Bảng 1. Một số đặc điểm hình thái chính của các giống bố mẹ của giống C07.7 và C07.16.

Tên địa phương	Tên thương mại	Kiểu hoa	CC ¹ hoa (cm)	ĐK ² hoa (cm)	Màu sắc hoa
C05.5	C05.5	Đơn	100-110	7,0- 7,5	Vàng đồng
Lys	Chevrolet	Thược dược	85-90	5,0-5,5	Đỏ viền vàng
C05.1	C05.1	Thược dược	100-110	8,5-9,0	Tím hồng
Thọ Vàng	Sunny Yellow	Thược dược	100-110	5,5-6,0	Vàng tươi

Chú thích: ¹CC: chiều cao ²ĐK: đường kính

2. Phương pháp lai tạo, chọn lọc và khảo nghiệm

Mục tiêu lai tạo là kết hợp các giống bố mẹ, được khảo sát kỹ về các đặc tính nông học, hình thái, thẩm mỹ và khả năng kháng sâu bệnh, có màu sắc, kiểu dáng tương phản, khả năng kháng bệnh tốt để tạo ra biến dị di truyền phong phú về màu sắc và kiểu dáng ngay ở thế hệ con lai F1.

Sau khi gieo trồng các quần thể lai, các cá thể F1 có những đặc tính quý, phù hợp với thị hiếu thị trường, có sức sinh trưởng và khả năng kháng bệnh tốt được chọn, tách định sinh trưởng và nhân nhanh bằng phương pháp nuôi cấy mô thành các dòng vô tính. Các dòng tiếp tục được nhân nhanh trong vườn cây mẹ để có đủ số lượng cho khảo nghiệm chính quy và khảo nghiệm sản xuất. Giống C07.7 và C07.16 được chọn lọc

trong vụ Thu Đông năm 2007. Sau khi có đủ số lượng, giống được khảo nghiệm chính quy vụ Thu Đông năm 2008 và vụ Hè Thu năm 2009. Khảo nghiệm sản xuất được tiến hành trong vụ Thu Đông năm 2009 và Đông Xuân năm 2009 - 2010.

Các tổ hợp lai và các thí nghiệm được gieo trồng và chăm sóc theo quy trình của TT NCKT, R&H trong điều kiện nhà lưới tại Đà Lạt. Các khảo nghiệm chính quy được bố trí theo thể thức khối ngẫu nhiên hoàn chỉnh với 3 lần lặp lại, diện tích ô thí nghiệm 20 m². Khảo nghiệm sản xuất được tiến hành tại nhà lưới của các nông hộ trồng hoa và được bố trí có lặp lại, diện tích từ 10 - 50 m²/giống. Quang chu kỳ 15-16 giờ được áp dụng bằng cách chiếu sáng bổ sung 4 h/ngày bằng bóng đèn hiệu suất cao 20 wh, với mật độ 1 bóng/3m², trong 30 ngày đầu sau trồng. Đối chứng là các giống nhập nội đang được trồng phổ biến và ưa chuộng tại thời điểm khảo nghiệm.

** Chỉ tiêu theo dõi*

+ Đặc điểm nông học và sinh trưởng: Chiều cao cành hoa (cm), đường kính cành hoa (mm), đường kính hoa (cm), màu sắc hoa (mô tả), số hoa trên cành, thời gian sinh trưởng tại thời điểm bông hoa đầu nở (ngày), tuổi thọ cành hoa trung bình (ngày);

+ Mức độ nhiễm bệnh gỉ sắt và ruồi đen (1-9):

1 = không nhiễm hoặc nhiễm không đáng kể

9 = nhiễm rất nặng, không chấp nhận được;

+ Đặc điểm về hình thái (kiểu dáng cành hoa, kiểu hoa): Theo hệ thống phân loại Hoa Kỳ (National Chrysanthemum Society Inc., USA, 2001).

+ Mức độ chấp nhận của thị trường (1-9): 1 = rất xấu, không phù hợp, không chấp nhận, 9 = rất đẹp, rất phù hợp, chấp nhận tốt.

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

1. Kết quả khảo nghiệm chính quy

Kết quả khảo nghiệm chính quy vụ Thu Đông 2008 và Hè Thu 2009 cho thấy giống C07.7 và C07.16 có sức sinh trưởng rất mạnh. Trong vụ Hè Thu, các giống có xu hướng sinh trưởng mạnh hơn, cho cành hoa cao hơn trong vụ Thu Đông. Ở cả hai vụ, C07.7 đều cho cành hoa cao trên 82cm, đạt yêu cầu thị trường, nhưng thấp hơn một số giống khác, đặc biệt là trong vụ Hè Thu (Bảng 2 & 3). Giống C07.16 cũng có chiều cao cây ít biến động hơn một số giống nhập nội, đạt 93-99cm. Khác biệt chung về chiều cao cây giữa hai vụ khảo nghiệm và giữa nhóm giống chọn tạo trong nước và giống nhập nội cho thấy giống trong nước có cảm ứng nhiệt độ và quang chu kỳ yếu hơn so với giống nhập nội (Bảng 2 & 3). Điều này khẳng định cần tạo giống cúc trong nước có đặc tính sinh trưởng ổn định hơn, dễ thích nghi với các vùng sinh thái khác nhau. Một số đặc tính hình thái có tính minh họa được trình bày tại Bảng 2 và 3. Mức độ ưa chuộng của thị trường, ý nghĩa kinh tế và giá trị thẩm mỹ của giống cúc không phụ thuộc vào từng đặc tính riêng biệt, mà vào sự phối hợp hài hòa của các đặc tính này.

Ruồi đen (*Liriomyza* spp.) là loại côn trùng gây hại nghiêm trọng, làm giảm vẻ đẹp chung của cành hoa và bộ lá, trên cây hoa cúc. Mức độ nhiễm ruồi hại tùy thuộc vào đặc tính của phiến lá, phiến lá dày nhiễm ruồi hại ít hơn phiến lá mỏng. Giống C07.7 có phiến lá rất dày nên hầu như không có biểu hiện nhiễm ruồi hại trong các vụ khảo nghiệm. Giống C07.16 chỉ nhiễm ở mức độ nhẹ, trong khi các giống cùng chọn lọc năm 2007 và các giống đối chứng nhập nội nhiễm ở mức độ nhẹ đến trung bình (2,0 đến 4,0 điểm) (Bảng 2 & 3).

Gỉ sắt do *Puccinia tanacetii* là loại bệnh quan trọng phổ biến gây hại trên hoa cúc.

Giống C07.7 hầu như không có biểu hiện nhiễm gỉ sắt trong cả hai vụ khảo nghiệm này (1,0 - 1,5 điểm). C07.7 nhiễm rất nhẹ trong vụ Thu Đông, nhưng đáng kể trong vụ Hè Thu do độ ẩm không khí cao, nhưng cũng chỉ tương đương giống nhập nội nhiễm ít nhất và ít hơn đáng kể so với các giống nhiễm nhiều (Bảng 2 & 3). Giống C07.7 có thời gian ra hoa ngắn nhất (80 ngày), trong khi các giống còn lại có thời gian ra hoa từ 85 đến 90 ngày (Bảng 2).

Theo hệ thống phân loại hoa cúc của Hoa Kỳ (National Chrysanthemum Society Inc., USA, 2001) các giống khảo nghiệm đều có kiểu cành hoa dạng chùm phớt sương (exhibit- spray). Kiểu bông hoa của giống C07.7 thuộc dạng bán kép (semi-double) và giống C07.16 thuộc dạng thực đực (decorative), là kiểu hoa luôn được thị trường ưa chuộng (Bảng 2, Hình 1). Hoa nâu đỏ viền vàng và vàng tươi luôn là màu sắc được thị trường ưa chuộng có ở giống C07.7 và C07.16 (Bảng 2 & Hình 1).

2. Kết quả khảo nghiệm sản xuất

Kết quả khảo nghiệm sản xuất tại Đa Thiện, Phường 8 (vụ Thu Đông 2009) và Thái Phiên, Phường 12, (vụ Đông Xuân 2009-2010), Đà Lạt cho thấy giống C07.7

và C07.16 có sức sinh trưởng mạnh, chống chịu sâu, bệnh hại chính tốt (hầu như không nhiễm gỉ sắt và ruồi). Trong khi mức độ nhiễm của một số giống đối chứng rất đáng kể.

Nâu đỏ viền vàng và vàng tươi là màu sắc được thị trường ưa chuộng hiện nay nên khả năng chấp nhận của thị trường đối với C07.7 và C07.16 do bà con nhà vườn đánh giá là rất tốt (Bảng 2, Hình 1). Về hiệu quả kinh tế, với mật độ trồng 55.000 cây/1000m², giống cúc C07.7, nhờ khả năng chống chịu sâu bệnh tốt, cho tỷ lệ hoa thương phẩm là 95-100%, trong khi các giống đối chứng cho tỷ lệ hoa thương phẩm đạt từ 80-85%. Cũng theo đánh giá của nông hộ, giá bán của giống cúc C07.7 và C07.16 khá cao, tương đương hoặc cao hơn các giống đối chứng tại thời điểm khảo nghiệm, chứng tỏ tiềm năng năng suất và thị trường của giống C07.7 và C07.16 là rất tốt. Một số đặc điểm nông học, hình thái và chống chịu sâu bệnh chính của giống C07.7 và C07.16 được tổng hợp tại Bảng 5. Sau khi trình diễn sản xuất thử ở diện hẹp, bà con nhà vườn đã chấp nhận giống này và đề nghị nhân nhanh giống cho sản xuất lớn. Một số hộ nông dân đã mua cây giống *in vitro* và tự nhân giống sản xuất.



Hình 1. Giống cúc C07.7 (trái) và C07.16 (phải).

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Bảng 2. Một số đặc điểm sinh trưởng, hình thái và mức độ nhiễm ruồi, gỉ sắt của 8 giống cúc khảo nghiệm vụ Thu Đông 2008 tại Đà Lạt.

TT	Tên giống		Sức sinh trưởng (1-9)	Chiều cao cành hoa (cm)	Đường kính cành (mm)	Đường kính hoa (cm)	Kiểu bông hoa	Màu sắc hoa	Thời gian ra hoa (ngày)	MĐN ruồi (1-9)	MĐN gỉ sắt (1-9)
	Tên thông dụng	Phả hệ/Tên gốc									
1	C07.7	Chevrolet x C05.5	8	82,1	6,8	5,5	Bán kép	Đỏ viền vàng	80	1,0	1,0
2	C07.16	C05.1 x Sunny Yellow	9	93,1	7,3	7,2	Thược dược	Vàng tươi	85	2,0	1,5
3	C07.24	C05.3 x G. Pingpong	8	85,1	7,8	4,6	Ngũ	Trắng viền hồng	90	1,5	2,0
4	C05.3	C05.3	8	83,2	8,0	7,0	Thược dược	Trắng viền hồng	87	2,0	2,0
5	Pingpong vàng	Golden Pingpong	9	87,2	5,4	4,5	Ngũ	Vàng tươi	90	2,5	1,0
6	Thọ Vàng	Sunny Yellow	8	84,2	7,3	5,3	Thược dược	Vàng tươi	85	4,0	2,5
7	Nữ Hoàng	Frostmoon	7	79,6	7,6	8,8	Bán kép	Đỏ viền vàng	85	3,5	2,5
8	Farm Vàng	Hibiki	8	83,0	7,7	8,9	Thược dược	Vàng tươi	90	3,0	3,0
CV (%)			-	4,05	6,98	4,00	-	-	-	-	-
LSD (0,05)			-	4,45	0,66	0,34	-	-	-	-	-

Chú thích: STT: Sức sinh trưởng (1-9): 1= sinh trưởng yếu, cây còi cọc; 9 = sinh trưởng rất mạnh. MĐN= mức độ nhiễm.

Bảng 3. Một số đặc điểm sinh trưởng, hình thái và mức độ nhiễm ruồi, gỉ sắt của 7 giống cúc khảo nghiệm vụ Hè Thu 2009 tại Đà Lạt.

TT	Tên giống		Sức sinh trưởng (1-9)	Chiều cao cành (cm)	Đường kính cành (mm)	Đường kính hoa (cm)	Số hoa trên cành (hoa)	MĐN ruồi (1-9)	MĐN gỉ sắt (1-9)
	Tên thông dụng	Phả hệ/Tên gốc							
1	C07.7	Chevrolet x C05.5	8	82,8	8,0	6,3	12,2	1,0	1,5
2	C07.16	C05.1 x Sunny Yellow	9	99,6	8,1	7,2	11,8	1,5	3,0
3	C07.24	C05.3 x G. Pingpong	9	99,8	8,5	6,5	9,8	1,0	1,5
4	C05.3	C05.3	8	84,4	7,4	6,3	10,0	2,5	2,5
5	Pingpong Trắng	White Pingpong	9	103,0	6,8	5,1	7,8	3,5	4,0
6	Thọ Vàng	Sunny Yellow	9	107,0	7,8	5,4	11,0	2,5	3,0
7	Nữ Hoàng	Frostmoon	9	100,0	8,1	5,8	13,0	4,0	3,5
CV (%)				7,5	7,1	4,4	9,8	-	-
LSD(0,05)				9,25	7,1	0,35	1,4	-	-

Chú thích: Tương tự Bảng 2.

Bảng 4. Một số đặc tính sinh trưởng, hình thái và mức độ nhiễm sâu, bệnh chính của 8 giống hoa cúc khảo nghiệm sản xuất trên vườn nông hộ tại Đa Thiện - Phường 8 và Thái Phiên - Phường 12, Đà Lạt.

TT	Tên giống		Chiều cao cành (cm)	Đường kính hoa (cm)	Số hoa /cành	MĐN ruồi (1-9)	MĐN gỉ sắt (1-9)	Thời gian ra hoa (ngày)	Mức độ ưa chuộng của thị trường (1-9)
	Tên thông dụng	Phả hệ/Tên gốc							
Tại Đa Thiện, vụ Thu Đông 2009									
1	C07.7	Chevrolet x C05.5	83,2	5,9	14,2	1,0	1,0	80	8,0
2	C07.16	C05.1 x Sunny Yellow	88,4	7,2	13,2	2,0	1,0	90	9,0
3	C07.24	C05.3 x Golden Pingpong	81,8	6,4	9,4	2,0	1,0	95	8,0
4	Lys	Lys	87,2	5,3	10,6	3,0	1,5	95	8,0
5	Thọ Vàng	Sunny Yellow	91,8	5,6	13,8	3,0	1,0	90	8,5
6	Pingpong Vàng	Golden Pingpong	86,6	4,6	8,8	3,5	2,5	85	7,5
CV %			3,03	6,1	11,33				
LSD(0,05)			3,4	0,5	1,7				
Tại Thái Phiên, vụ Đông Xuân 2009-2010									
1	C07.7	Chevrolet x C05.5	85,0	6,2	11,4	1,0	1,0	80	8,0
2	C07.16	C05.1 x Sunny Yellow	91,4	7,3	10,4	1,0	2,5	85	9,0
3	C07.24	C05.3 x Golden Pingpong	82,8	6,2	8,6	1,5	1,0	90	8,0
4	Tubin	Tubin	90,2	7,9	16,6	2,0	3,5	90	8,0
5	Thọ Vàng	Sunny Yellow	83,2	5,2	16,4	1,0	3,0	85	8,5
6	Farm Vàng	Hibiki	87,0	8,1	9,6	3,5	3,5	85	7,5
CV (%)			3,7	3,7	9,9				
LSD(0,05)			4,1	0,3	1,6				

Chú thích: xem Bảng 2 & 3.

Bảng 5. Một số đặc điểm nông học, hình thái và thẩm mỹ của giống hoa cúc cắt cành C07.7 và C07.16.

Đặc tính	C07.7	C07.16
Sinh trưởng	Sinh trưởng khỏe, thời gian sinh trưởng 80-85 ngày	Sinh trưởng khỏe, thời gian sinh trưởng 90-95 ngày
Chiều cao cành hoa	Chiều cao cành hoa 80-85cm	Chiều cao cành hoa 90-95cm
Kiểu cành hoa và bông hoa	Cành hoa kiểu chùm phôi trương (ex-spray), bông hoa dạng bán kép (semi-single)	Cành hoa kiểu chùm phôi trương (ex-spray), bông hoa dạng thực dục (decorative)
Hình thái hoa và kích thước hoa	Hoa màu nâu đỏ viền vàng, cánh hoa dài, cứng, đường kính 6,0-6,5cm, không gãy dập trong quá trình vận chuyển	Hoa màu vàng tươi, cánh hoa dài, cứng, đường kính 6,5-7,0cm, không gãy dập trong quá trình vận chuyển
Khả năng chống chịu sâu, bệnh hại chính	Kháng gỉ sắt do nấm <i>Puccinia tanacetii</i> và ruồi đen (<i>Liriomyza</i> spp.) tốt	Kháng gỉ sắt do nấm <i>Puccinia tanacetii</i> tốt và ruồi đen (<i>Liriomyza</i> spp.) khá
Mức độ ưa chuộng	Hoa to trung bình, kiểu dáng và màu sắc đẹp, phù hợp với thị hiếu hiện nay	Hoa to trung bình, kiểu dáng và màu sắc đẹp, phù hợp với thị hiếu hiện nay

IV. KẾT LUẬN

1. Các giống hoa cúc C07.7 và C07.16 có sức sinh trưởng mạnh, các đặc tính nông học tốt, thích ứng tốt với điều kiện sản xuất của vùng Đà Lạt, Lâm Đồng, vùng sản xuất hoa cắt cành chính của nước ta.

2. Các giống này có khả năng chống chịu một số sâu, bệnh chính (ruồi đen và gỉ sắt) tốt hơn một số giống nhập nội đang phổ biến trong sản xuất.

3. Với đặc tính thẩm mỹ như kiểu dáng cành hoa, kiểu dáng và màu sắc bông hoa rất phù hợp với thị hiếu thị trường hiện nay, các giống này đã được nông dân và thị trường chấp nhận và bước đầu được chuyển giao vào sản xuất kinh doanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cục trồng trọt, 2011. Quyết định số 206/QĐ-TT-BPPN ngày 11 tháng 5 năm 2011 về việc công nhận chính thức giống cây trồng nông nghiệp mới.
2. National Chrysanthemum Society Inc., USA, 2001. Chrysanthemum classification.
3. UPOV, 1991. Công ước quốc tế về bảo hộ giống cây trồng mới: Văn kiện năm 1991. Giơ-ne-vơ, 1991.

Người phân biện:

TS. Phạm Xuân Liêm

ẢNH HƯỞNG CỦA NGỪNG TƯỚI NƯỚC ĐẾN RA HOA ĐỒNG LOẠT CỦA GIỐNG LAN HOÀNG THẢO TRẮNG TÍM (*Dendrobium sonia* 18)

Nguyễn Thị Ngọc Lan, Phạm Thị Liên,
Lê Thanh Nhuận, Văn Đình Hải, Đồng Thị Kim Cúc

SUMMARY

Effect of stop watering to the simultaneous blooming of Hoang Thao variety (*Dendrobium sonia* #18)

The flowering of orchids in general and in particular the Hoang Thao orchids (*Dendrobium*) depends on many different factors, including the treatments of irrigation. The irrigation experiment was conducted with four treatments: watering two times per day; stop watering three days; stop watering five days and stop watering seven days (stop watering when stem and leaves of the plants stop growing). Research results have shown that the best treatment for the simultaneous blooming of Hoang Thao variety (*Dendrobium sonia* #18) was stop watering three or five day, after that watering two times per day.

Keywords: Orchid, *Dendrobium sonia* #18, Hoang Thao, watering regime, blooming, flowering.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam là một nước á nhiệt đới, có điều kiện tự nhiên rất ưu đãi, phù hợp cho sinh trưởng, phát triển các loài hoa nói chung và hoa lan nói riêng. Trong số các loại hoa lan đang được thương mại trên

thị trường nội địa, lan Hoàng Thảo (*Dendrobium*) luôn chiếm một tỷ trọng lớn vì lan Hoàng Thảo hấp dẫn người tiêu dùng bởi màu sắc, độ bền và giá cả hợp lý. Tuy nhiên, trong điều kiện miền Bắc và đặc biệt là trong điều kiện mùa đông, lan Hoàng Thảo thường ra hoa rải rác,